

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DS-ST

Ngày: 21-6-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Thành

- Bà Trần Thị Sầm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST-DS, ngày 03/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXX – ST, ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: 188/89 ấp P, xã S, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: khu phố A, thị trấn C, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Út C (tên thường gọi: D), sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà Út C có mặt. Ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024 của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ, lời trình bày trong quá trình tố tụng của ông Trương Phạm Công B có nội dung:

Ông Đoàn Văn Đ yêu cầu bà Trương Thị Út C có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu là: Tiền nợ gốc: 47.266.000 đồng. Về tiền lãi chậm trả: Không yêu cầu.

Lý do yêu cầu: Ông Đoàn Văn Đ và bà Trương Thị Út C (tên thường gọi là D) có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi heo với hình thức gói đầu, có lập sổ theo dõi, có chốt sổ từ ngày 03/8/2020 đến ngày 11/12/2022, bà Út C còn nợ

lại ông Đ số tiền 47.266.000 đồng. Bà Út C có hứa trả hàng tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2024 nhưng đến nay chưa thanh toán khoản nào nên ông Đ khởi kiện.

- Bị đơn bà Trương Thị Út C trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2024 và tại phiên toà:

Bà xác nhận có nợ ông Đ số tiền 47.266.000 đồng do hai bên có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi thời gian đã lâu, có lập sổ theo dõi. Thực hiện mua bán được khoảng 02 năm thì ngưng do heo bị dịch bệnh, chăn nuôi thua lỗ. Hai bên có chốt sổ số tiền trên và bà có ký xác nhận nợ cho ông Đ (ghi tên là “D”, họ tên “Trương Thị D” – đây là tên thường gọi của bà). Bà với ông Đ có thoả thuận bà nuôi heo mướn cho ông Đ để trừ nợ nhưng chưa thực hiện. Bà cũng chưa trả thêm lần tiền nào cho ông Đ. Nay đồng ý trả số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi D nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến người khác (kể cả chồng của bà).

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đại diện nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng, bị đơn có mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Út C trả tiền mua bán tài sản còn thiếu là 47.266.000 đồng. Ông Đ không yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; trong đó xác định ông Đoàn Văn Đ là nguyên đơn (Do ông Trương Phạm Công B đại diện theo ủy quyền); Bà Trương Thị Út C là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của ông Trương Phạm Công B tại phiên toà, có đơn xin vắng nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về số tiền mua bán tài sản 47.266.000 đồng mà ông Đoàn Văn Đ yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Út C thừa nhận có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Đ và còn thiếu ông Đ số tiền này, chưa trả cho ông Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận nên ông Đ không cần

phải chứng minh. Do bà Út C vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông Đ khởi kiện, đủ căn cứ buộc bà Út C trả số tiền này cho ông Đ theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về số tiền lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, ông Đ không yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

Đối với tiền lãi của số tiền phải trả trong giai đoạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Đối với việc bà Út C đề nghị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án của người phải thi hành án đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho người được thi hành án, nội dung này thuộc giai đoạn thi hành án. Phía người đại diện của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có cơ sở để ghi nhận nội dung này trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là bà Út C trả số tiền còn thiếu, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án, thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Bà Út C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc yêu cầu bà Trương Thị Út C trả tiền mua bán tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Trương Thị Út C có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền mua bán tài sản còn thiếu là: 47.266.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả tiền): 2.363.000 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng), bà Trương Thị Út C có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.182.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003968 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho ông Đoàn Văn Đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng